# ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG, NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG QUẢ CỦA MỘT SỐ GIỐNG ĐÀO NHẬP NỘI TẠI TỈNH SƠN LA

**Nguyễn Quốc Hùng[1], Nguyễn Thị Thu Hương[1], Nguyễn Văn Dự[1]**

*[1] Viện Nghiên cứu Rau quả*

*[*] Email: hungnqrifav@gmail.com*

**TÓM TẮT**

Nghiên cứu đánh giá khả năng sinh trưởng. phát triển, năng suất và chất lượng quả của 4 giống đào Úc nhập nội (giống UF Beauty, FLA 98-8 CNW, UF One, UF Sun) và giống đào Pháp chín sớm là giống đối chứng nhằm xác định được giống phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Sơn La. Thí nghiệm đánh giá giống bằng phương pháp ghép cải tạo được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ, gồm 5 công thức: Mỗi giống là 1 công thức, ghép 5 cây/1 công thức, nhắc lại 3 lần. Thí nghiệm trồng mới được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ, gồm 5 công thức: Mỗi giống là 1 công thức, trồng 10 cây/1 công thức, nhắc lại 3 lần. Thí nghiệm được triển khai tại xã Tân Yên và Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La được thực hiện trong thời gian từ năm 2023-2026. Kết quả cho thấy, các giống đào Úc nhập nội trồng tại tỉnh Sơn La đều có khả năng sinh trưởng tốt, trong đó giống UF One có đường kính cành ghép và đường kính tán cây 3 năm sau ghép cải tạo đạt lớn nhất, đạt lần lượt là 5,8 cm và 3,5 m; đường kính thân và đường kính tán đạt 7,9-8,1 cm và 3,2-3,5 m trên cây trồng mới 3 năm tuổi. Tại cả hai điểm trồng thí nghiệm, các giống đào Úc nhập nội đều có khả năng ra hoa tự nhiên tốt, cho năng suất và chất lượng quả cao, ổn định. Giống UF One có năng suất quả đạt được cao nhất, với 16,9 kg/cây sau ghép cải tạo 3 năm và đạt 10,0-10,4 kg/cây sau trồng 3 năm; độ brix đạt 12,8-13,2%, tỷ lệ phần ăn được đạt 82,8-83,9%; thời gian thu hoạch sớm từ 5-15/5.

**Từ khóa:** *Giống đào Úc, chín sớm, năng suất, chất lượng quả, Sơn La.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây đào (*Prunus persica* (L.) Batsch) là một trong những cây ăn quả ôn đới quan trọng, được trồng phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới nhờ khả năng thích nghi tương đối rộng, thời gian cho thu hoạch sớm và quả có giá trị dinh dưỡng cao. Quả đào giàu đường hòa tan, vitamin, hợp chất phenolic và các chất chống oxy hóa, có lợi cho sức khỏe con người [1].

Ở Việt Nam, cây đào được trồng chủ yếu tại các tỉnh miền núi phía Bắc như: Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang và Lạng Sơn. Trong đó, tỉnh Sơn La được đánh giá là vùng có nhiều tiềm năng phát triển cây đào ăn quả nhờ điều kiện sinh thái thuận lợi, đặc biệt là nhiệt độ mùa đông thấp, biên độ nhiệt ngày đêm lớn và địa hình cao, phù hợp với yêu cầu sinh thái của cây đào. Tuy nhiên, sản xuất đào tại tỉnh Sơn La hiện nay chủ yếu dựa vào các giống địa phương hoặc giống được nhập nội từ nhiều năm trước đây, có năng suất chưa cao, chất lượng quả không đồng đều và khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường còn hạn chế [2]. Nhiều nghiên cứu cho thấy, các giống đào có sự khác biệt rõ rệt về khả năng sinh trưởng, thời gian ra hoa, tỷ lệ đậu quả, năng suất cũng như các chỉ tiêu chất lượng quả như khối lượng quả, hàm lượng chất rắn hòa tan và độ cứng thịt quả [3]. Mặt khác, mỗi giống đào có yêu cầu sinh thái và khả năng thích nghi khác nhau, đặc biệt là nhu cầu lạnh và phản ứng sinh trưởng chịu ảnh hưởng mạnh của điều kiện khí hậu và đất đai của địa phương.

Trong những năm gần đây, việc nhập nội và khảo nghiệm các giống đào mới có năng suất và chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của Việt Nam đã được nhiều cơ quan nghiên cứu quan tâm. Với tiềm năng phát triển cây ăn quả ôn đới của tỉnh, việc đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng quả của các giống đào Úc nhập nội trong điều kiện sinh thái của tỉnh Sơn La là cơ sở khoa học cho công tác nghiên cứu, tuyển chọn giống phù hợp, phục vụ phát triển sản xuất cây ăn quả của địa phương.

## 2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Các giống đào nhập nội từ Úc: Giống UF Beauty, giống FLA 98-8 CNW, UF One, UF Sun và giống đào nhập nội từ Pháp là giống đối chứng.

Đặc điểm các giống đào nhập nội:

Giống UF Beauty: Là giống thuộc nhóm giống chín muộn, thời gian từ khi đậu quả đến khi thu hoạch thường kéo dài 80-85 ngày. Thịt quả không mềm, màu vàng đỏ, ăn ngọt. Thịt quả không bị nâu hoá khi gặp không khí. Hạt quả nhỏ. Giống yêu cầu 200 đơn vị lạnh, thích hợp với những vùng có độ lạnh cao.

Giống FLA 98-8 CNW: Là giống đào trơn, thuộc nhóm quả chín trung bình đến trung bình muộn. Thời gian từ khi đậu quả đến chín là 82 ngày. Giống có khối lượng, kích thước quả trung bình, khi chín quả có màu tím đỏ. Thịt quả không bị mềm khi chín, rất thơm, độ brix 18-23%. Giống yêu cầu 175 đơn vị lạnh, thích hợp với những vùng có độ lạnh cao.

Giống UF ONE: Là giống thuộc nhóm giống chín muộn, thời gian từ khi đậu quả đến khi chín trung bình là 102 ngày. Khối lượng quả 180-200 g/quả. Giống có khả năng kháng bệnh gỉ sắt và đốm vi khuẩn. Quả màu vàng, thịt quả cứng, độ brix cao. Giống yêu cầu 100 đơn vị lạnh, thích hợp với những vùng có độ lạnh vừa đến ấm.

Giống UF Sun: Là giống thuộc nhóm chín sớm. Quả hình tròn, thịt quả màu vàng. Khối lượng quả 120 g. Thịt quả không mềm. Giống yêu cầu 100 đơn vị lạnh, thích hợp với những vùng mùa đông có nhiệt độ thấp về ban đêm của vùng mùa đông giá lạnh.

Giống đào Pháp chín sớm (giống ĐC): Thời gian thu hoạch sớm. Giống có khối lượng quả 30-35 g/quả, được trồng rộng rãi ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Cây giống sử dụng trồng trong thí nghiệm được nhân giống bằng phương pháp ghép đoạn cành 1 năm tuổi và ghép cải tạo trên cây đào trồng sẵn 7 năm tuổi. Gốc ghép là giống đào địa phương.

### 2.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

*2.2.1. Bố trí thí nghiệm*

Thí nghiệm thử nghiệm một số giống đào nhập nội bằng phương pháp ghép cải tạo vào tháng 1/2023, được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ, gồm 5 công thức; mỗi giống là 1 công thức, ghép trên 5 cây, nhắc lại 3 lần. Thí nghiệm được triển khai tại xã Tân Yên, tỉnh Sơn La; thực hiện từ tháng 1/2023 đến tháng 6/2026.

Thí nghiệm thử nghiệm trồng mới một số giống đào nhập nội bằng cây ghép đoạn cành 1 năm tuổi được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ, gồm 5 công thức; mỗi giống là 1 công thức, trồng 10 cây, nhắc lại 3 lần. Thí nghiệm được triển khai tại xã Tân Yên và Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La; thực hiện trong thời gian từ tháng 1/2023 đến tháng 6/2026.

Kỹ thuật chăm sóc được áp dụng theo quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây đào của Viện Nghiên cứu Rau quả.

*2.2.2. Chỉ tiêu theo dõi*

Các chỉ tiêu theo dõi bao gồm: Kích thước tán cây, thời gian rụng lá, thời gian ra hoa, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất thu được. Một số chỉ tiêu đánh giá đặc điểm quả và một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng quả.

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh trưởng, thời gian ra hoa được quan sát, đo đếm trên 5 cây/1 công thức thí nghiệm/1 lần nhắc. Các chỉ tiêu đánh giá cành ghép được đo đếm trên toàn bộ số cành ghép/cây/1 lần nhắc. Các chỉ tiêu đánh giá quả được đo đếm, quan sát trên 30 quả/1 công thức/1 lần nhắc. Năng suất được cân trên 5 cây/1 công thức thí nghiệm/1 lần nhắc.

Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu được xử lý theo phương pháp thống kê sinh học, ứng dụng chương trình Excel, Cropstat 7.2 trên máy vi tính.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Kết quả thử nghiệm một số giống đào nhập nội bằng phương pháp ghép cải tạo

Khả năng sinh trưởng của các giống đào nhập nội được thể hiện ở các chỉ tiêu chiều cao cây, đường kính cành ghép, đường kính tán, số cành ghép trên cây ở bảng 1. Chiều cao cây ở các giống sai khác nhau không có ý nghĩa thống kê, đạt 2,2-2,5 m.

Đường kính cành ghép có giá trị khác nhau giữa các giống đào nhập nội, đạt lớn nhất 5,8 cm ở giống UF One, thấp nhất ở các giống UF Beauty và đào Pháp chín sớm đối chứng, chỉ đạt 5,1-5,3 cm. Mặc dù, các giống đào thí nghiệm có chiều cao cây tương tự nhau nhưng đường kính tán rất khác nhau, đường kính tán cây đạt lớn nhất

ở giống UF One, đạt 3,5 m. Số cành ghép trên cây đạt tương tự nhau ở các giống đạt thí nghiệm, 4,2-4,5 cành/cây.

**Bảng 1. Một số đặc điểm sinh trưởng của các giống đào nhập nội trên cây ghép cải tạo**

| Tên giống | Chiều cao cây (m) | Đường kính cành ghép (cm) | Đường kính tán (m) | Số cành ghép (cành) |
|---|---|---|---|---|
| UF Beauty | 2,5 | 5,1 | 3,0 | 4,2 |
| FLA 98-8 CNW | 2,5 | 5,5 | 2,9 | 4,5 |
| UF One | 2,2 | 5,8 | 3,5 | 4,5 |
| UF Sun | 2,2 | 5,5 | 2,7 | 4,3 |
| Pháp chín sớm (ĐC) | 2,5 | 5,3 | 2,7 | 4,4 |
| CV% | 13,4 | 12,5 | 14,5 | 13,2 |
| $LSD_{0.05}$ | 0,4 | 0,2 | 0,3 | 0,5 |

*Nguồn: Số liệu được đo ở thời điểm tháng 5/2026.*

**Bảng 2. Khả năng ra hoa của một số giống đào thí nghiệm trên cây ghép cải tạo**

| Tên giống | Thời gian rụng lá | Thời gian bắt đầu nở hoa | Thời gian kết thúc nở hoa |
|---|---|---|---|
| UF Beauty | 20-25/11 | 15-20/1 | 25-30/1 |
| FLA 98-8 CNW | 20-25/11 | 28-30/1 | 13-15/2 |
| UF One | 2-7/12 | 7-15/1 | 20-30/1 |
| UF Sun | 10-15/11 | 5-10/1 | 20-24/1 |
| Pháp chín sớm (ĐC) | 10-15/11 | 5-10/1 | 20-25/1 |

Thời gian rụng lá, bắt đầu nở hoa và kết thúc nở hoa của các giống đào thí nghiệm tương đối khác nhau. Cây đào nói chung có đặc điểm rụng lá trước khi xuất hiện nụ, các giống đào nhập nội trồng tại tỉnh Sơn La rụng lá ở thời điểm 10-15/11 là các giống UF Sun, Pháp chín sớm và 20-25/11 là các giống UF Beauty, FLA 98-8 CNW. Giống UF One rụng lá muộn nhất vào 2-7/12 (Bảng 2). Thời gian bắt đầu nở hoa ở các giống đào thí nghiệm từ 5-30/1, trong đó các giống bắt đầu nở hoa 5-15/1 là giống UF One, UF Sun, đào Pháp chín sớm; giống đào FLA 98-8 CNW bắt đầu nở hoa muộn nhất 28-30/1. Kết quả theo dõi cho thấy, các giống đào trong thí nghiệm chỉ có hoa lưỡng tính, không có các dạng hoa khác. Cây đào có đặc điểm chung đều chỉ xuất hiện một loại hoa lưỡng tính trên cây [4], kết quả theo dõi các giống đào Úc nhập nội cho kết quả tương tự như công bố của các nghiên cứu trên.

**Bảng 3. Năng suất và thời gian thu hoạch của các giống đào nhập nội trên cây ghép cải tạo**

| Tên giống | Thời gian thu hoạch | Năng suất cá thể (kg/cây) | Thời gian thu hoạch | Năng suất cá thể (kg/cây) |
|---|---|---|---|---|
| | Năm 2025 | | Năm 2026 | |
| UF Beauty | 10-15/5 | 8,9 | 12-16/5 | 15,8 |
| FLA 98-8 CNW | 29/4-7/5 | 9,3 | 27/4-7/5 | 11,7 |
| UF One | 3-5/5 | 11,5 | 6 11/5 | 16,9 |
| UF Sun | 20-25/4 | 8,8 | 23-28/4 | 10,5 |
| Pháp chín sớm (ĐC) | 20-25/5 | 5,3 | 22-29/5 | 8,2 |
| CV% | | 13,7 | | 14,7 |
| $LSD_{0.05}$ | | 1,3 | | 1,5 |

Các giống đào Úc nhập nội cho năng suất thu được khác nhau trong điều kiện vùng trồng tại xã Tân Yên, tỉnh Sơn La và năng suất các giống đào Úc đạt được đều cao hơn có ý nghĩa so với năng suất giống đào đối chứng (Bảng 3). Trong số các giống đào Úc nhập nội, giống đào UF One cho năng suất lớn nhất, đạt 11,5 kg/cây năm 2025 và đạt 16,9 kg/cây năm 2026. Thời gian thu hoạch của các giống đào từ ngày 20/4-15/5, giống đào UF Sun thu hoạch sớm nhất vào cuối tháng 4, tiếp theo là các giống đào FLA 98-8 CNW, UF One thu hoạch từ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5, các giống đào UF Beauty và Pháp chín sớm có thời gian thu hoạch muộn 10-16/5 và 20-29/5.

**3.2. Kết quả thử nghiệm trồng mới một số giống đào nhập nội tại tỉnh Sơn La**

Số liệu ở bảng 4 cho thấy, chiều cao cây ở các giống đào nhập nội trồng ở xã Tân Yên và Lóng Phiêng đạt 2,2-2,5 m, thấp hơn hoặc tương đương giống đào Pháp chín sớm trồng đối chứng; các giống đào Úc phát triển theo xu hướng chiều cao cây thấp và bộ tán rộng hơn so với giống đào đối chứng. Giống đào UF One có chiều cao 2,2-2,4 m và đường kính tán đạt 3,2-3,5 m, có xu hướng thấp cây và đường kính tán lớn hơn so với các giống đào Úc nhập nội cùng đánh giá. Đường kính thân cũng đạt lớn nhất ở giống đào UF One, đạt 7,9 cm ở xã Tân Lập và đạt 8,0 cm ở xã Lóng Phiêng trên cây 3 năm tuổi.

**Bảng 4. Một số đặc điểm sinh trưởng của các giống đào trồng thí nghiệm**

| Tên giống | Chiều cao cây (m) | Đường kính thân (cm) | Đường kính tán (m) | Chiều cao cây (m) | Đường kính thân (cm) | Đường kính tán (m) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Xã Tân Yên | | | Xã Lóng Phiêng | | |
| UF Beauty | 2,3 | 7,5 | 3,4 | 2,5 | 7,8 | 3,2 |
| FLA 98-8 CN W | 2,4 | 7,4 | 2,9 | 2,5 | 7,5 | 3,0 |
| UF One | 2,2 | 7,9 | 3,5 | 2,4 | 8,1 | 3,2 |
| UF Sun | 2,2 | 7,9 | 2,8 | 2,3 | 7,8 | 2,7 |
| Pháp chín sớm (ĐC) | 2,5 | 7,2 | 2,6 | 2,6 | 7,5 | 2,7 |
| CV% | 13,3 | 13,4 | 11,5 | 14,7 | 13,5 | 12,6 |
| $LSD_{0.05}$ | 0,2 | 0,3 | 0,4 | 0,3 | 0,4 | 0,3 |

*Số liệu được ghi nhận tháng 5/2026.*

**Bảng 5. Thời gian thu hoạch và năng suất của các giống đào trồng thí nghiệm**

| Địa điểm | Tên giống | Thời gian thu hoạch | Năng suất cá thể (kg/cây) | Thời gian thu hoạch | Năng suất cá thể (kg/cây) |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm 2025 | | Năm 2026 | |
| Xã Tân Yên | UF Beauty | 5-10/5 | 3,2 | 12-16/5 | 7,1 |
| | FLA 98-8 CNW | 29/4-5/5 | 2,7 | 27/4-7/5 | 6,5 |
| | UF One | 1-5/5 | 5,6 | 6-11/5 | 10,4 |
| | UF Sun | 20-25/4 | 3,0 | 23-28/4 | 6,2 |
| | Pháp chín sớm (ĐC) | 20-25/5 | 2,2 | 25-30/5 | 5,4 |
| | CV% | | 13,7 | | 14,5 |
| | $LSD_{0.05}$ | | 0,8 | | 1,2 |
| | | Năm 2025 | | Năm 2026 | |
| Xã Lóng Phiêng | UF Beauty | 1-5/5 | 2,9 | 26/4-1/5 | 7,0 |
| | FLA 98-8 CN W | 27/4-2/5 | 2,8 | 30/4-5/5 | 6,4 |
| | UF One | 25-30/4 | 5,7 | 1-5/5 | 10,0 |
| | UF Sun | 20-25/4 | 3,3 | 25-30/4 | 6,1 |
| | Pháp chín sớm (ĐC) | 15-20/5 | 2,3 | 25-30/5 | 4,9 |
| | CV% | | 14,3 | | 14,4 |
| | $LSD_{0.05}$ | | 0,6 | | 1,3 |

Số liệu ở bảng 5 cho thấy, các giống đào trồng thí nghiệm có năng suất đạt được khác nhau cả ở hai điểm trồng xã Tân Yên và Lóng Phiêng. Năm 2025, giống đào UF One có năng suất đạt cao nhất, 5,6 kg/cây ở điểm trồng xã Tân Yên và đạt 5,7 kg/cây ở điểm trồng xã Lóng Phiêng, khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các giống cùng trồng khảo nghiệm; giống đào Pháp chín sớm có năng suất đạt được thấp nhất ở cả hai điểm trồng (2,2-2,3 kg/cây). Năm 2026, các

giống đều có năng suất thu được cao hơn nhiều so với năm 2025, đạt từ 4,9-10,4 kg/cây. Giống UF One vẫn cho năng suất đạt được cao nhất với 10,4 kg/cây ở điểm trồng xã Tân Yên và 10,0 kg/cây ở điểm trồng xã Lóng Phiêng; giống đào Pháp chín sớm vẫn cho năng suất đạt được thấp nhất ở cả hai điểm trồng thí nghiệm (4,9-5,4 kg/cây). Năng suất thu được của giống UF One đạt được cao hơn so với một số giống đào nhập nội khác trồng tại tỉnh Lai Châu và Lào Cai [5] nhưng thấp hơn các giống đào Earlygrand, Floradown và Tropicsnow được trồng tại Ethiopia [6]. Thời gian thu hoạch của các giống đào nhập nội đều sớm hơn so với giống đào Pháp chín sớm ở cả 2 điểm trồng và 2 năm theo dõi đánh giá. Năm 2025, thời gian thu hoạch của các giống đào Úc nhập nội trong khoảng 20/4-10/5 ở điểm trồng xã Tân Yên và trong khoảng 20/4-5/5 ở xã Lóng Phiêng, tương tự như thời gian thu hoạch của một giống đào nhập nội trồng tại tỉnh Lạng Sơn [7]; giống đào Pháp chín sớm cho thu hoạch trong khoảng 20- 25/5 ở điểm trồng xã Tân Yên và trong khoảng 15-20/5 ở điểm trồng xã Lóng Phiêng. Năm 2026, thời gian thu hoạch của các giống đào Úc nhập nội không có sự sai khác lớn so với thời gian thu hoạch của các giống trong năm 2025; các giống cho thu hoạch trong khoảng 23/4-16/5 ở điểm trồng xã Tân Yên và trong khoảng 25/4-5/5 ở điểm trồng xã Lóng Phiêng, sớm hơn so với giống đào Pháp chín sớm khoảng 30 ngày ở cả hai điểm trồng thí nghiệm.

**Bảng 6. Một số chỉ tiêu về quả của một số giống đào trồng thí nghiệm**

| Địa điểm | Tên giống | Khối lượng quả (g) | Chiều cao quả (cm) | Đường kính quả (cm) | Màu sắc vỏ quả |
|---|---|---|---|---|---|
| Xã Tân Yên | UF Beauty | 104,5 | 7,0 | 5,7 | Vàng |
| | FLA 98-8 CN W | 67,3 | 5,6 | 4,3 | Đỏ vàng |
| | UF One | 112,4 | 7,3 | 5,7 | Vàng đỏ |
| | UF Sun | 97,5 | 6,5 | 4,5 | Vàng đỏ |
| | Pháp chín sớm | 45,4 | 4,8 | 3,7 | Xanh vàng |
| | CV% | 13,2 | 11,6 | 12,7 | |
| | $LSD_{0.05}$ | 13,5 | 0,6 | 0,4 | |
| Xã Lóng Phiêng | UF Beauty | 105,7 | 7,0 | 5,6 | Vàng |
| | FLA 98-8 CN W | 68,8 | 5,5 | 4,3 | Đỏ vàng |
| | UF One | 115,2 | 7,3 | 5,8 | Vàng đỏ |
| | UF Sun | 93,4 | 6,4 | 4,5 | Vàng đỏ |
| | Pháp chín sớm | 40,1 | 4,6 | 3,7 | Xanh vàng |
| | CV% | 13,6 | 12,5 | 11,8 | |
| | $LSD_{0.05}$ | 14,7 | 0,7 | 0,3 | |

Khối lượng quả của một số giống đào trồng thí nghiệm có sự sai khác nhau rất rõ, dao động trong khoảng 45,4-112,4 g ở điểm trồng xã Tân Yên và trong khoảng 40,1-115,2 gam ở điểm trồng xã Lóng Phiêng. Trong đó, các giống đào UF Beauty và UF One có khối lượng quả sai khác nhau không có ý nghĩa thống kê và đạt cao hơn so với khối lượng quả của các giống đào trồng thí nghiệm, dao động 104,5-112,4 g ở xã Tân Yên và 105,7-115,2 g/quả ở xã Lóng Phiêng (Bảng 6). Với khối lượng quả dạt 100-110 g, UF Beauty và UF One là các giống đào có khối lượng quả lớn so với các giống đào A2-2-29, B15, Flora Prince, Flodadawn đang được trồng ở các tỉnh miền núi phía Bắc [7]. Khối lượng quả của giống UF One tương tự khối lượng quả của giống đào Tainung No 11 Sing Tao (114,4 g/quả), một giống đào mới được chọn tạo thành công tại Đài Loan [8]. Tuy nhiên, khối lượng quả của giống nhỏ hơn một số giống đào như: Redhaven, Elegant Lady, Monreo, Fairtime, Vesuvio và Vivivan trồng trong điều kiện sinh thái vùng Tokat, Thổ Nhĩ Kỳ [9].

Màu sắc vỏ quả khi chín có sự khác biệt giữa các giống và là một trong các đặc điểm để phân biệt giống. Giống UF Beauty có vỏ quả màu vàng, giống FLA 98-8 CNW có vỏ quả nhẵn, màu đỏ vàng; các giống UF One và UF Sun có vỏ quả khi chín màu vàng, có một phần màu đỏ phía vai quả; giống đào Pháp chín sớm có vỏ khi chín

màu xanh vàng. Màu sắc vỏ quả khi chín của các giống đào thí nghiệm đều ổn định qua 2 năm đánh giá ở tại cả hai vùng trồng.

Các giống đào nhập nội trồng thí nghiệm đều cho chất lượng ổn định. Độ brix của các giống đào Úc nhập nội dao động trong khoảng 10,9-12,8% ở điểm trồng xã Tân Yên và dao động trong khoảng 11,0-13,2% tại điểm trồng xã Lóng Phiêng và đều cao hơn độ brix của giống đào Pháp chín sớm, chỉ đạt 10,7-10,9%. Độ brix đạt được cao nhất ở giống UF One ở cả hai điểm trồng thí nghiệm, cao hơn tất cả các giống đào nhập nội được trồng tại tỉnh Lạng Sơn, chỉ dao động 10,1-12,1% [7]. Tỷ lệ phần ăn được của các giống dao động trong khoảng 77,5-83,9% ở điểm trồng xã Tân Yên và dao động trong khoảng 79,2-82,8% ở điểm trồng xã Lóng Phiêng. Tương tự như độ brix, tỷ lệ phần ăn được của giống UF One cũng đạt được cao nhất trong các giống đào Úc nhập nội và cao hơn giống đào Pháp chín sớm ở cả 2 điểm trồng thí nghiệm. Các giống đào Úc nhập nội đều rất róc hạt so với độ róc hạt của giống đào Pháp chín sớm chỉ đạt ở mức trung bình.

**Bảng 7. Một số chỉ tiêu chất lượng quả của các giống đào thí nghiệm**

| Tên giống | Brix (%) | Tỷ phần ăn được (%) | Độ róc hạt | Brix (%) | Tỷ phần ăn được (%) | Độ róc hạt |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Xã Tân Yên | | | Xã Lóng Phiêng | | |
| UF Beauty | 10,9 | 81,7 | Rất róc | 11,0 | 81,5 | Rất róc |
| FLA 98-8 CNW | 11,7 | 77,5 | Rất róc | 11,9 | 79,2 | Rất róc |
| UF One | 12,8 | 83,9 | Rất róc | 13,2 | 82,8 | Rất róc |
| UF Sun | 11,3 | 81,3 | Rất róc | 11,5 | 81,2 | Rất róc |
| Pháp chín sớm (ĐC) | 10,7 | 72,6 | Róc trung bình | 10,9 | 72,8 | Róc trung bình |

*Nguồn: Số liệu được phân tích năm 2026.*

## 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### 4.1. Kết luận

Các giống đào Úc nhập nội được ghép cải tạo tại tỉnh Sơn La đều có khả năng sinh trưởng tốt, trong đó giống UF One có đường kính cành ghép và đường kính tán cây 3 năm sau ghép cải tạo đạt lớn nhất, đạt lần lượt là 5,8 cm và 3,5 m. Giống UF One có năng suất đạt được cao nhất, với 16,9 kg/cây sau ghép cải tạo 3 năm.

Tại cả hai điểm thí nghiệm trồng mới, các giống đào Úc nhập nội đều có khả năng sinh trưởng khỏe, ra hoa tự nhiên tốt, cho năng suất và chất lượng quả cao, ổn định. Giống UF One có năng suất đạt được cao nhất, với 10,0-10,4 kg/cây sau trồng 3 năm; độ brix đạt 12,8-13,2%, tỷ lệ phần ăn được đạt 82,8-83,9% và rất róc hạt; thời gian thu hoạch sớm, từ 5-15/5.

### 4.2. Đề nghị

Bổ sung giống đào chín sớm UF One vào cơ cấu các giống đào đang được trồng tại các xã vùng cao của tỉnh Sơn La có điều kiện sinh thái tương tự như các xã Lóng Phiêng và Tân Yên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Byrne, D. H., Nikolic, A. N. & Burns, E. E. (2012). Variability in sugars, acids, firmness, and color characteristics of peach cultivars. *HortScience*, *47*(9), 1-6.

[2]. Nguyễn Văn Bình, Phạm Thị Lan, Trần Văn Hùng (2018). Nghiên cứu hiện trạng sản xuất và hiệu quả kinh tế một số cây ăn quả ôn đới tại tỉnh Sơn La. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, *16*(4), 45-52.

[3]. Okie, W. R., Bacon, T. A. & Bassi, D. (2017). Fresh market peach cultivars and breeding objectives. *Acta Horticulturae*, *1150*, 15-26.

[4]. Chunxian Chen, William R. Okie, Thomas G. Beckman (2016). Peach fruit set and buttoning after spring frost. *Hortscience*. *51*(7), 816-822.

[5]. Đỗ Sỹ An, Nguyễn Quốc Hùng (2016). Kết quả nghiên cứu một số giống đào nhập nội tại các tiểu vùng ôn đới khu vực miền núi phía Bắc. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, *2*(63), 22-27.

[6]. Abayneh Melke Woldegebriel (2025). Performance of low- and high-chill pearch cultivars in tropical Highland environments: Impacts on yield, phenology, and fruit quality. Debre Markos University. College of Agriculture

and Natural. Resources Management Bebre Markos, Ethiopia. *Research Square*.

[7]. Lê Thị Mỹ Hà, Nguyễn Thị Tuyết, Hoàng Thị Hoài (2020). Kết quả thử nghiệm một số giống đào nhập nội triển vọng tại xã Công Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, *9*(118), 43-48.

[8]. Chun-Che Huang, Ien-Chie Wen. Syuan-You Lin (2025). Tainung No. 11 SingTao': A low-chill peach with high soluble solids, low acidity, and reliable mid-may harvest. *Hortscience 60*(12), 2331-2334.

[9]. Resul Gercekcioglu, Oznur Oz Atasever, Songul Altunok (2014). Investigation of yield and quality performance of some peach and nectarine cultıiars in tokat ecological conditions. *Tarım Bilimleri Araştırma Dergisi 7*(2*)*, 41-45.

## EVALUATION OF GROWTH PERFORMANCE, YIELD AND FRUIT QUALITY OF SOME INTRODUCED PEACH CULTIVARS IN SON LA PROVINCE

**Nguyen Quoc Hung[1], Nguyen Thi Thu Huong[1], Nguyen Van Du[1]**

*[1] Fruit and Vegetable Research Institute*

**Abstract**

The study was conducted to evaluate the growth performance, yield and fruit quality of four introduced Australian peach cultivars (UF Beauty, FLA 98-8 CNW, UF One and UF Sun) in comparison with the early-ripening French peach cultivar used as the control, aiming to identify cultivars suitable for the ecological conditions of Son La province. The cultivar evaluation experiment using top-working grafting was arranged in a randomized complete block design consisting of five treatments, with each cultivar representing one treatment. Each treatment included five trees and was replicated three times at Tan Yen commune. The new planting experiment was also arranged in a randomized complete block design with five treatments, each consisting of ten trees per cultivar and replicated three times. The experiments were conducted in Tan Yen and Long Phieng communes from 2023 to 2026. The results showed that all introduced Australian peach cultivars adapted well to the ecological conditions of Son La and exhibited vigorous growth. Among them, UF One cultivar showed the greatest growth performance, with graft branch diameter and canopy diameter reaching 5.8 cm and 3.5 m, respectively, three years after top-working grafting. In newly planted trees at three years of age, trunk diameter and canopy diameter reached 7.9-8.1 cm and 3.2-3.5 m, respectively. At both experimental sites, the introduced Australian peach cultivars demonstrated good natural flowering ability and produced high and stable yields and fruit quality. UF One cultivar achieved the highest yield, reaching 16.9 kg/tree three years after top-working grafting and 10.0-10.4 kg/tree three years after planting. Fruit soluble solids content reached 12.8-13.2°Brix, while the edible portion accounted for 82.8-83.9% of fruit weight. In addition, UF One also exhibited an early harvesting period, from May 5 to May 15, making it a promising cultivar for commercial cultivation in Son La province.

**Keywords:** *Australian peach cultivars, early ripening, yield, fruit quality, Son La*.

**Ngày nhận bài:** 4/5/2026

**Ngày chuyển phản biện:** 18/5/2026

**Ngày thông qua phản biện:** 25/6/2026

**Ngày duyệt đăng**: 28/9/2026